TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn
và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quế Anh

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn và con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lý Kim G, sinh năm: 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T tự nguyện chung sống với ông Lý Kim G từ năm 1998 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trước khi kết hôn, hai bên không tìm hiểu nhau mà qua mai mối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, ông G thường xuyên bia rượu, không quan tâm, chia sẻ với vợ con, tự quyết định tất cả các vấn đề trong cuộc

sống vợ chồng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng không sống ly thân nhưng nay nhận thấy không thể hàn gắn mâu thuẫn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 02 con chung, con tên Lý Kim U, sinh ngày: 01/01/2000 và con tên Lý Kim V, sinh ngày: 15/7/2004. Khi ly hôn, đối với con tên U đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con tên V thì tùy theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi. Trường hợp bà T được nuôi con thì bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, hiện nay bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và ông G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Khi khởi kiện bà T khai không có, tại phiên tòa bà T xác định vợ chồng có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Kim G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian mâu thuẫn, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông G không đồng ý, theo ông G thì thời gian 04 năm nay ông G làm công tác xã hội nên có đi sớm, về khuya và có bia rượu nhưng không thường xuyên. Ông G vẫn chăm lo cuộc sống gia đình và quan tâm vợ con. Vợ chồng có cãi nhau nhưng không đến mức nghiêm trọng như bà T trình bày. Nay bà T xin ly hôn thì ông G không đồng ý ly hôn với bà T vì còn yêu thương vợ và không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định của con.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng chỉ có 02 con chung như bà T trình bày, không có con nuôi và hiện bà T cũng không mang thai với ông G. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì đối với con tên U đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên V quá trình giải quyết vụ án ông G xin được nuôi con, nay ông G cũng thống nhất với bà T là tùy theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông G

Về con chung: Giao con tên Lý Kim V, sinh ngày: 15/7/2004 cho bà T nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với ông Lý Kim G. Xét ông G cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông G tự nguyên chung sống có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/3/2001 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông G đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì bà T và ông G không thống nhất. Theo bà T, do vợ chồng tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, ông G thường xuyên bia rượu, không quan tâm, chia sẻ với vợ con, tự quyết định tất cả các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến mâu thuẫn. Ông G thì cho rằng mặc dù ông có đi sớm, về khuya và có bia rượu nhưng không thường xuyên. Ông G vẫn chăm lo cuộc sống gia đình và quan tâm vợ con, ông cũng không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng và ông còn yêu thương vợ con. Như vậy, mặc dù ông G không đồng ý nguyên nhân mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn với bà Thúy, nhưng thực tế thì quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, cho đến khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vẫn chưa hóa giải được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Bà T xác định không còn tình cảm với ông G và yêu cầu được ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông G đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T

[4] Về con chung: Bà T và ông G có 02 con chung, con tên Lý Kim U, sinh ngày: 01/01/2000 và con tên Lý Kim V, sinh ngày: 15/7/2004. Đối với con tên U đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con tên V thì bà T và

ông G đều thống nhất giải quyết theo nguyện vọng của con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu V có nguyện vọng được sống chung với bà T nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lý Kim G

2. Về con chung: Giao con tên Lý Kim V, sinh ngày: 15/7/2004 cho bà T nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà T chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0005964 ngày 21/6/2018.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Bình Nhì;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên